

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TBN22B
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	An toàn lao động và vệ sinh TP(2)	Tiếng anh(4)	Hoa sinh học thực phẩm(3)	Vi sinh thực phẩm(3)	Nguyên lý các quá trình CNTP(3)	Điểm TB	Xếp loại
1	2256201021270	Lâm Quốc Bảo	03/03/2007	6.6	6.6	8.1	8.2	6.9	7.4	7.4	Khá
2	2256201021271	Mai Hoàng Bảo Chiêu	27/06/2007	8.0	7.3	8.1	8.8	9.1	9.1	8.4	Giỏi
3	2256201021273	Nguyễn Phát Đạt	27/07/2007	7.7	5.0	2.6	2.6	2.5	3.3	3.3	Yếu
4	2256201021274	Đông Hoàng Định	02/05/2007	7.7	2.4	3.0	2.6	2.7	2.8	2.7	Yếu
5	2256201021275	Nguyễn Thành Đức	07/05/2007	6.9	4.0	7.1	7.9	6.9	3.1	5.9	Trung bình
6	2256201021276	Nguyễn Long Giang	30/11/2007	6.9	8.1	8.4	9.3	8.9	8.5	8.6	Giỏi
7	2256201021277	Trương Nhựt Hào	20/10/2007	8.0	7.6	8.5	9.0	7.9	9.6	8.4	Giỏi
8	2256201021278	Ngô Dương Trung Hậu	22/05/2007	7.9	7.4	7.9	8.0	8.6	8.7	8.0	Giỏi
9	2256201021280	Huỳnh Trí Khang	16/11/2006	6.3	5.9	8.5	9.3	7.7	7.4	7.7	Khá
10	2256201021282	Trần Trúc Lam	28/11/2007	6.5	7.7	9.4	9.8	8.9	8.5	8.8	Giỏi
11	2256201021283	Phạm Chí Linh	03/04/2007	8.7	7.9	9.0	9.3	8.6	9.7	8.8	Giỏi
12	2256201021284	Lê Thành Nam	03/10/2006	8.6	5.7	7.3	9.3	6.9	4.4	6.8	Trung bình
13	2256201021285	Nguyễn Văn Nam	25/09/2006	5.0	3.7	4.9	5.0	4.5	4.7	4.5	Yếu
14	2256201021286	Nguyễn Hữu Quốc	05/09/2006	7.3	6.8	8.8	8.2	8.5	9.4	8.2	Giỏi
15	2256201021287	Lê Thị Bảo Ngân	03/10/2007	3.2	7.2	8.9	9.0	8.2	8.3	8.2	Khá
16	2256201021288	Hồ Thị Tuyết Nhi	28/10/2007	7.3	9.2	8.8	9.7	7.6	8.5	8.8	Giỏi
17	2256201021289	Bùi Thanh Nhựt	28/12/2007	6.7	8.0	9.1	9.0	9.1	8.8	8.7	Giỏi
18	2256201021290	Nguyễn Hữu Tâm	14/07/2007	7.9	8.4	9.5	9.6	9.2	9.1	9.1	Xuất sắc
19	2256201021291	Lê Minh Thắng	03/07/2007	7.8	7.4	7.2	7.8	6.1	8.2	7.3	Khá
20	2256201021293	Hà Chí Thiện	10/11/2007	2.1	4.1	4.5	4.4	4.5	4.0	4.3	Yếu
21	2256201021294	Nguyễn Chí Thiện	28/11/2007	8.1	6.2	8.6	9.1	8.7	9.0	8.1	Giỏi

22	2256201021295	Huỳnh Văn	Thông	15/04/2007	8.3	7.4	7.9	9.8	8.6	8.5	8.4	Giỏi
23	2256201021296	Trần Phước	Tiến	08/07/2007	7.6	6.6	9.3	9.8	6.3	7.3	7.8	Khá
24	2256201021297	Trần Đức	Toàn	10/12/2007	8.5	6.3	7.9	9.8	7.9	7.3	7.8	Khá
25	2256201021298	Phan Thị Bảo	Trâm	10/04/2007	7.0	6.9	9.4	9.6	8.3	8.9	8.5	Giỏi
26	2256201021299	Bùi Thị Ngọc	Trân	10/03/2007	7.5	5.6	8.8	9.3	8.9	8.6	8.0	Giỏi
27	2256201021300	Huỳnh Trung	Nhân	11/10/2006	8.2	7.3	8.5	9.0	9.2	9.5	8.6	Giỏi
28	2256201021301	Nguyễn Hữu	Trung	30/10/2005	6.0	5.2	7.0	7.7	6.6	6.8	6.6	Trung bình

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 15 tháng 08 năm 2023
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái

